

Người ta càng suy nghĩ về toàn cầu hóa, người ta càng hành động theo tính dân tộc hay tư duy mang tính địa phương, hành động mang tính toàn cầu. - J. Naisbitt

Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ, với nhiều nguồn ý kiến và cách tiếp cận khác nhau, tác giả bài viết đề cập hai khía cạnh kinh tế và giáo dục của quá trình hội nhập.

Cơ hội và thách thức trong kinh tế

Cơ hội phát triển to lớn

Các nước đang phát triển sẽ có cơ hội tận dụng được nguồn vốn nước ngoài và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả. Như trên, đầu tư nước ngoài là một trong những lý do dẫn tới toàn cầu hóa. Đến lượt nó, toàn cầu hóa lại tạo ra cơ hội giúp các nước tận dụng được vốn đầu tư nước ngoài để giải quyết tình trạng thiếu vốn từ nội bộ nền kinh tế, đồng thời đây còn là môi trường mở ra giúp cho các nước đang phát triển tìm và thực hiện được các dự án đầu tư ra nước ngoài trong các lĩnh vực thuộc lợi thế của họ. Trong báo cáo đầu tư thế giới năm 1997 của Hội đồng mật dịch và phát triển của Liên hiệp quốc thì các nước đang phát triển đã tiếp nhận khoảng 130 tỷ USD đầu tư trực tiếp của nước ngoài, nhưng đồng thời họ cũng xuất khẩu ra nước ngoài một lượng vốn chừng 50 tỷ USD. Đối chiếu với Việt Nam 14 năm qua kể từ khi có Luật đầu tư nước ngoài đã có khoảng 3.600 dự án được đăng ký với dung lượng vốn ước chừng 41 tỷ USD và lượng vốn đã được giải ngân vào khoảng 20 tỷ USD tính đến thời điểm hiện nay.

Bên cạnh cơ hội tận dụng và nâng cao khả năng sử dụng vốn, các nước đang phát triển còn thụ hưởng được những thành quả của tiến bộ kỹ thuật và công nghệ sản xuất mới. Ngày nay tốc độ phổ cập tri thức mới, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến diễn ra nhanh chóng, đa dạng thông qua nhiều hình thức và các kênh truyền thông khác nhau, mà chuyển giao công nghệ là một đặc trưng, một yêu cầu với bất kỳ loại hình quốc gia nào trong sự phát triển.

Ngày nay đa số các nước đang phát triển đều có cơ hội để du nhập và thụ hưởng những giá trị khoa học và công nghệ là sản phẩm của lần sóng công nghiệp thứ ba, tuy mức độ thụ hưởng có khác nhau. Nhiều năm liên tục vừa qua, Việt Nam chúng ta được xếp vào hàng các nước có tốc độ phát

triển hạ tầng công nghệ thông tin nhanh nhất thế giới, là bằng chứng cho tốc độ và sự chủ động hội nhập của chúng ta.

Toàn cầu hóa kinh tế tất yếu dẫn đến là tự do hóa thương mại, cùng với quá trình này, xu thế phổ biến là sự giảm thấp dần về độ cao của hàng rào thuế quan cũng như rào cản kỹ thuật trong thương mại quốc tế (TBT - Technical Barriers to Trade). Ở nước ta hiện nay Chính phủ cũng như doanh nghiệp đang hết sức nỗ lực chuẩn bị cho sự gia nhập đầy đủ vào AFTA ở thời điểm 2006. Bên cạnh ISO 9000, ISO 14000, SA 8000... - giấy thông hành để hàng hóa của ta thâm nhập vào thị trường quốc tế thì hạ giá thành sản phẩm là mệnh lệnh sống còn của các doanh nghiệp.

Cùng với sự hội nhập kinh tế, sự

thức rõ rệt và đã có những hành động khá tích cực nhằm thu hẹp khoảng cách này, nhưng trên thực tế nguy cơ này không những chậm được cải thiện mà thậm chí diễn ra theo hướng tiêu cực. Nếu xem xét tình hình các nước đông và Đông Nam Á qua một số chỉ tiêu có thể nhận rõ điều này.

Mặc dù khủng hoảng tài chính nổ ra ở Thái Lan và hậu quả lan rộng rất nặng nề tới nhiều nước như Indonesia, Hàn Quốc, Liên bang Nga... nhưng sau khủng hoảng các nước đã phục hồi và có sự bứt phá rất ngoạn mục. Hàn Quốc đạt tốc độ tăng trưởng GDP trên 9%, hoặc Trung Quốc năm 2000 đạt trên 8%, năm 2001 là 7,2%, hoặc năm 2001 Cộng hòa liên bang Nga đạt 5,2%... trong khi Việt Nam mặc dù được đánh giá là đứng ngoài khủng hoảng

Hội nhập kinh tế và giáo dục trong xu thế toàn cầu hóa

TS. VŨ ANH TUẤN

chuyển dịch lao động cũng diễn ra theo nhiều phương diện, các nước đang phát triển có cơ hội xuất khẩu lao động sang các nước phát triển, do đó họ sẽ nhận được một lượng ngoại tệ từ bên ngoài. Theo Economic Aspects chỉ trong vòng 5 năm từ 1990 - 1995, tiền lương thu được từ xuất khẩu lao động ở các nước đang phát triển đạt trên 70 tỷ USD.

Toàn cầu hóa cũng đồng thời tạo ra sự tập trung lao động có trình độ cao vào các ngành, lĩnh vực kinh tế mới, như các hoạt động dịch vụ, thương mại, công nghiệp chế biến... sự phát triển của các ngành này sẽ tạo ra nhiều việc làm mới, do đó tỷ lệ thất nghiệp sẽ giảm xuống và chất lượng nguồn nhân lực sẽ tăng dần thích ứng với quá trình xã hội hóa lao động. Trong khoảng thời gian 30 năm lại đây, thu nhập bình quân đầu người của nhiều nước tăng lên một cách kỳ diệu và đạt 5 lần ở Thái Lan, 10 lần ở Hàn Quốc, 4 lần ở Malaysia và đó cũng là kết quả tích cực của toàn cầu hóa.

Thách thức nghiệt ngã

Tự hậu là nguyên nhân số một. Hiện nay nếu xét trên bình diện chung thì Việt Nam chậm hơn so với các nước NICs khoảng 30 năm, với Thái Lan chừng hai thập kỷ, với Trung Quốc khoảng 10 năm, và tất nhiên còn cách xa hơn nữa so với các nước phát triển. Mặc dù chúng ta đã có ý

nhưng tốc độ lại sụt giảm khá mạnh và sự phục hồi rất chậm so với khoảng 9% của thời kỳ 1993 - 1997, thực tế năm 1998 là 5,8%, năm 1999 là 4,7%, năm 2000 là 6,7% và năm 2001 là 6,8%.

Dòng FDI vào Việt Nam giai đoạn 1988 - 1997 là khá quan, đã tiếp sức đáng kể cho sự tăng trưởng, nhưng sự kỳ vọng đó thật ngắn ngủi và hiện đang trong thời kỳ tụt dốc kéo dài, trong khi Trung Quốc lại đang có sức hấp dẫn lớn đối với đầu tư nước ngoài, chỉ riêng năm 1999 FDI của Trung Quốc đã lớn hơn nhiều so với 14 năm qua của Việt Nam. Hiện nay các nước châu Á nói chung và khu vực nói riêng đang cạnh tranh gắt gao với nhau trong việc cải thiện môi trường để gia tăng các hoạt động thương mại, thu hút xuất khẩu thủ ở Việt Nam cả mức độ cạnh tranh, dòng FDI và xuất khẩu lại có xu hướng giảm xuống, hoặc tốc độ cải thiện rất chậm chạp, mức độ cạnh tranh của Việt Nam năm 2000 và được xếp thứ 53/59, năm 2001 được xếp hạng 62/69 quốc gia, vì thế có thể nhận thấy khoảng cách giữa Việt Nam và các nước đang có nguy cơ dần rộng thêm.

Theo trên, toàn cầu hóa kinh tế lấy tự do hóa kinh tế làm động lực, do đó khu vực kinh tế tư nhân ở đa số các nước tỏ ra rất năng động và là lực lượng chủ lực, đối với

chúng ta thì khu vực tư nhân tuy đã có sự quan tâm khuyến khích, có sự tăng trưởng đáng kể liên tục trong vòng 10 năm qua, tuy nhiên khu vực này còn nhỏ bé, manh mún và thiếu vững chắc, hiện chiếm chưa đầy đủ 23% GDP. Trong khi khu vực nhà nước là chủ đạo nhưng lại hoạt động kém hiệu quả và được sự bảo trợ quá lớn. Riêng ngành công nghiệp thì kinh tế nhà nước chiếm khoảng 60% giá trị và khoảng hơn 40% sản phẩm qua chế biến. Mặc dù sở hữu tới 3/4 giá trị tài sản quốc gia nhưng chỉ góp phần tạo ra khoảng 42% GDP. Hơn nữa số doanh nghiệp bị thua lỗ lại có xu hướng tăng lên: 16% năm 1995, 25% vào năm 1997, 35% năm 2000, thậm chí theo ADB và WB con số đó có thể lên đến 50%, những doanh nghiệp có lãi phần lớn do độc quyền mang lại. Do được bảo hộ lớn nên khả năng cạnh tranh rất yếu vì giá thành sản phẩm cùng loại cao nhiều so với các nước trong khu vực và thế giới, trong khi chất lượng hàng hóa lại thấp.

Khoảng cách giàu nghèo và mức sống đang dần rộng. Kết quả của phương pháp thống kê cho thấy thu nhập và mức sống của các nước giàu nghèo ngày càng cách biệt thêm, GDP bình quân đầu người giữa Thụy Sĩ (nước giàu nhất) và Sudan (nước nghèo nhất) khoảng gần 500 lần, hoặc của Việt Nam so với người láng giềng Trung Quốc là 2,5 lần. Trên thế giới, số người nghèo có mức sống dưới 1 USD/ngày tới 1 tỷ 500 triệu người và khoảng 2 tỷ người có thu nhập dưới 2 USD/ngày. Chưa bao giờ lịch sử lại chứng kiến cảnh tượng phân hóa gay gắt đến thế (tài sản của chỉ 3 người giàu nhất thế giới lại vượt qua thu nhập của cả 48 quốc gia nghèo nhất cộng lại).

Trên thế giới, 20% dân số giàu ở các nước phát triển chiếm tới 86% GDP, trong khi 20% dân số nghèo nhất chỉ chiếm 1,3% GDP, tương tự ở Việt Nam là 44,5% và 8%, ở Trung Quốc là 46,5% và 5,9%. Riêng ở TP.HCM khoảng cách này là 7 lần, ở Tây Nguyên là 12 lần, trong khi thu nhập trung bình ở TP.HCM cao hơn ở Tây Nguyên là 10 lần. Qua đó có thể thấy sự dần rộng khoảng cách giàu nghèo đang là một xu thế chưa có dấu hiệu đổi chiều, điều này đặt ra "thách thức" đối với các nhà hoạch định và quản lý kinh tế - xã hội, nó đặt ra yêu cầu về một thiết chế công bằng mới và một chương trình thực hiện có hiệu quả.

Hậu quả về môi trường là điều khó

tránh khỏi đối với các nước kém phát triển, vì toàn cầu hóa tất yếu là quá trình chuyển giao công nghệ, mà các nước phát triển thường không chuyển giao những công nghệ mới nhất, hơn nữa các nước nghèo thường thiếu khả năng tài chính nên khoảng cách công nghệ cũng ngày càng rộng thêm, do đó các nước nhập khẩu và sử dụng công nghệ cũ phải gánh chịu những hậu quả nặng nề về môi trường, đồng thời chịu sự kiểm soát của các nước phát triển.

Cơ hội và thách thức của giáo dục đại học

Những cơ hội phát triển.

Quan sát chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam trong tương quan với 174 nước trên thế giới, có thể thấy chất lượng nguồn lực con người ở nước ta có sự gia tăng nhanh chóng, năm 1990 xếp thứ 121/174, trong vòng một thập kỷ qua chỉ số HDI của Việt Nam liên tục được lên hạng 116, 110, 108 và năm 2001 là 101.

Chỉ trong vòng 5 năm từ 1995 - 2000 qui mô giáo dục đại học tăng 3 lần. Hiện nay số sinh viên trên 1 vạn dân đã đạt 117, tỷ lệ này sẽ tăng lên đạt 140 vào năm 2005 và 200 vào năm 2010. Cũng chỉ trong vòng một thập kỷ qua, lực lượng lao động của Việt Nam có sự chuyển đổi tích cực, năm 1990 chỉ có 10% qua đào tạo, thì nay đã đạt khoảng 22%, tỷ lệ này sẽ tiếp tục thay đổi tăng lên đạt 30%, 40% và 50% vào các thời điểm 2005, 2010 và 2020.

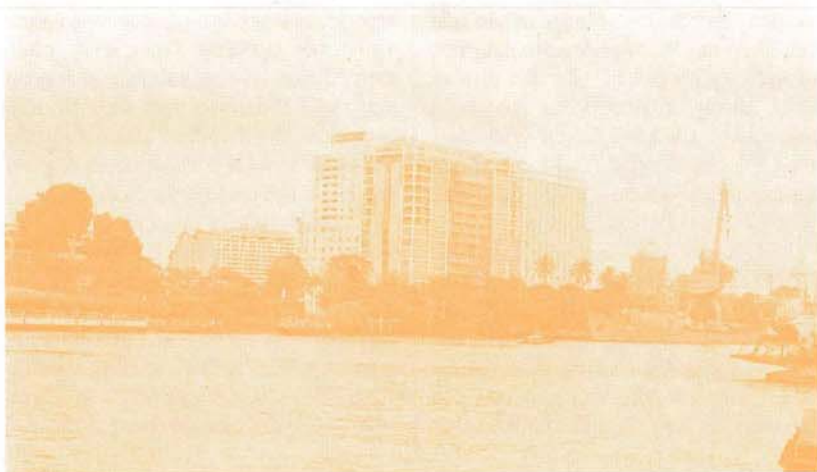
Nếu tận dụng tốt cơ hội của toàn cầu hóa và những tiện ích của hệ thống mạng thông tin toàn cầu vào hoạt động của hệ thống giáo dục và dạy nghề thì có thể nhanh chóng khắc phục những thiếu hụt, lạc hậu của tài liệu học tập, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và trình độ của sinh viên, có thể rút ngắn khoảng cách của giáo

dục Việt Nam đối với khu vực.

Kinh nghiệm cho thấy chỉ trong vòng 20 năm từ 1970 - 1990 ở Mỹ có tới 90% việc làm mới được tạo ra trong lĩnh vực dịch vụ tri thức và xử lý thông tin. Nếu xem xét 15 năm lại đây người Mỹ đã loại bỏ khoảng 8.000 nghề nghiệp cũ nhưng lại tạo ra chừng 6.000 nghề nghiệp mới, chỉ riêng năm 1996, nước Mỹ đã tạo ra 2.6 triệu việc làm, trong đó 92% tức 2.4 triệu thuộc ngành dịch vụ. Nếu đối chiếu với tình hình Việt Nam có thể nhận thấy nhiệm vụ của ngành giáo dục thật nặng nề mà điều trước hết là phải cải cách giáo dục một cách triệt để, tiến hành một cuộc cách mạng thực sự trong giáo dục.

Những thách thức đang gặp phải.

Một là, mâu thuẫn giữa nguồn ngân sách hạn hẹp với yêu cầu cần mở rộng và hiện đại hóa hệ thống giáo dục. Với GDP khoảng 400 USD/người và khoảng 12 USD/người dành cho giáo dục, 1.000 USD chi phí bình quân cho một cán bộ khoa học so với mức 55.000 USD của Hàn Quốc và mặc dù ngân sách dành cho giáo dục đã từng bước được cải thiện nhưng vẫn chỉ khoảng 15% ngân sách tức 3% GDP. Ai cũng biết, với nguồn kinh phí này thật khó có thể làm một cuộc cách mạng trong giáo dục, trong khi chỉ tiêu này ở các nước Philippine là 21 USD, Thái Lan là 56 USD, Malaysia là 162 USD... Hàn Quốc là 225 USD, tương tự chỉ tiêu này ở Nhật Bản và Mỹ còn cao hơn nhiều. Sự khó khăn và hạn chế về tài chính dẫn đến cơ sở vật chất phục vụ dạy và học chậm được đổi mới, tiền lương công chức của ngành giáo dục thấp đã hạn chế động lực nghiên cứu, biên soạn tài liệu học tập và đổi mới phương pháp giảng dạy của đội ngũ giảng viên. Để giải quyết mâu thuẫn này cần xây dựng cơ chế tài chính phù hợp để động viên ngân



Ảnh Vũ Nhi